

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 01/03/2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Kiều Trung

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Lan  
2. Ông Bùi Quốc Thìn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm G, thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện đang cư trú tại: xóm X, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Trương Quang C, sinh năm 1992; cư trú tại: xóm G, thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại các buổi làm việc, nguyên đơn trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trương Quang C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 166/2015, ngày 28/12/2015 của UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh C thường xuyên rượu chè, mỗi khi nhậu nhẹt thì không kiềm chế bản thân, hay dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm chị, ghen tuông không có căn cứ và anh có hành động đe dọa, đánh đập chị. Kể từ khi sinh con thứ hai vào năm 2020 thì chị về nhà mẹ đẻ sinh sống nhưng anh C vẫn không thay đổi, gia đình hai bên đã khuyên giải, động viên nhưng mỗi lần nhậu nhẹt là anh nhớ chuyện cũ, chửi mắng, xúc phạm chị làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, hiện nay giữa vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Trương Quang C.

Về con chung: Giữa chị và anh C có hai con chung, gồm: Cháu Trương Quang Gia B, sinh ngày 11/5/2014, hiện anh C đang chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Trương Trần Bảo A, sinh ngày 23/4/2020, hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng Trương Trần Bảo A; giao cháu Trương Quang Gia B cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Đối với bị đơn là Anh Trương Quang C cư trú tại xóm G, thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng anh không trình bày ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên nhưng bị đơn không đến tham gia phiên tòa là không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa chị Trần Thị T và Anh Trương Quang C xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

+ Về con chung: Xét thấy việc yêu cầu nuôi con chung của chị T là có căn cứ, phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

+ Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 166/2015, quyền số 02/2015, ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của chị T, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị T và anh C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[2.1] Chị T cho rằng giữa chị và anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh C nhiều lần rượu chè, xúc phạm chị. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng anh C không thay đổi, vợ chồng không còn sống chung và cũng không thể đoàn tụ được.

[2.2] Anh Trương Quang C không có ý kiến trình bày hay phản đối các tình tiết, sự kiện mà chị T đã nêu về nguyên nhân và quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như các vấn đề khác nên theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà chị T đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, anh C có đến Tòa án và đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không trình bày ý kiến cũng như không tham gia hòa giải thể hiện anh không quan tâm, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng hiện chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Trần Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 và chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A; trong khi đó, anh C hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Quang Gia B, sinh ngày 11/5/2014 và chị T yêu cầu giao cháu B cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C không trình bày ý kiến, yêu cầu đối với việc nuôi con chung khi ly hôn. Qua làm việc với cháu B thì cháu có nguyện vọng được ở với ba; trong khi đó, cháu A còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trương Trần Bảo A chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trương Quang Gia B cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí.

[8] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn Anh Trương Quang C.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trương Trần Bảo A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao cháu Trương Quang Gia B, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014 cho Anh Trương Quang C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.*

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xét.

4. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000412, ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn và bị đơn nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B, huyện S (*Đăng ký kết hôn số 166/2015, ngày 28/12/2015*);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đoàn Kiều Trung**























